TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11- 4 -2019.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Dá

2. Ông Nguyễn Thành Dân

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Cao Mỹ Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/2/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Danh Thị Sơn K**.

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng

- *Bị đơn:* Anh **Lâm Mỹ Q**.

Địa chỉ: ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Lâm Ngọc A**

Địa chỉ: ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2018, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Danh Thị Sơn K trình bày: Chị K và anh Q quen biết nhau một thời gian, đến năm 2010 được hai bên gia đình tổ chức đám cưới. Sau đó chị và ông Q có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy

chứng nhận kết hôn ngày 06/6/2016. Trong quá trình chung sống giữa chị và anh Q có 02 người con chung tên là Danh Lý Khánh P, sinh ngày 10/6/2011 và Lâm Quốc N, sinh ngày 25/8/2016, hiện cháu P đang sống chung với chị, còn cháu Lâm Quốc N sống với anh Q. Trong thời gian sống chung thì giữa hai người không có tạo được tài sản chung gì. Hiện hai vợ chồng còn nợ tiền hụi của bà Lâm Ngọc A số tiền là 30.000.000 đồng. Do anh Q không chăm lo gia đình, thường xuyên đi chơi, trước đây hai vợ chồng đã tự ly hôn một lần, sau đó hai gia đình vận động nên sống chung lại nhưng anh Q vẫn không thay đổi nên hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và hiện hai vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm nay.

Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lâm Mỹ Q. Về con chung chị K xin được nuôi hai con chung không yêu cầu anh Q cấp dưỡng. Về nợ chung chị K yêu cầu chia đôi để trả cho bà Lâm Ngọc A mỗi người số tiền là 15.000.000 đồng. Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lâm Mỹ Q trình bày như sau: Anh thống nhất với trình bày của chị K về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung. Đối với yêu cầu ly hôn của chị K, anh không đồng ý mà mong được đoàn tụ do anh còn thương vợ, giữa vợ chồng anh không có phát sinh mâu thuẫn. Đối với khoản nợ 30.000.000 đồng của bà A, đây là khoản nợ riêng của chị K anh không biết, nếu ly hôn thì chị K tự trả, còn nếu hai vợ chồng đoàn tụ thì anh đồng ý đứng ra trả khoản tiền nợ 30.000.000 đồng cho bà A.Về con chung trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của K, thì anh yêu cầu được nuôi con chung là Lâm Quốc N.

Quá trình giải quyết người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Ngọc A trình bày như sau: Vợ chồng K và Q có nợ bà số tiền hụi là 30.000.000 đồng. Nay K yêu cầu xin ly hôn với Q thì bà yêu cầu vợ chồng của K và Q mỗi người có trách nhiệm trả cho bà số tiền là 15.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tống đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, đương sự có mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tại tòa. Đối với đương sự vắng mặt là bị đơn Lâm Mỹ Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Ngọc A. Tòa án đã tống đạt hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Đề nghị HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố Tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung: Đối với hôn nhân đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Danh Thị Sơn K là ly hôn với anh Lâm Mỹ Q; về con chung: đối với con chung tên Danh Lý Khánh P, sinh ngày 10/6/2011 chị K yêu cầu được nuôi dưỡng và đây cũng là nguyện vọng của cháu P nên đề nghị HĐXX giao cháu P cho chị Danh Thị Sơn K trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đối với con chung tên Lâm Quốc N, sinh ngày 25/8/2016, hiện do cháu dưới 36 tháng tuổi nên căn cứ theo quy định tại khoản 3

Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX giao cháu N cho chị K nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; về cấp dưỡng nuôi con: do chị K không yêu cầu nên không xem xét; về nợ chung: do đây là khoản nợ hụi phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, chị K tham gia hụi là để phục vụ nhu cầu gia đình nên đây là nợ chung, đề nghị HĐXX buộc chị Danh Thị Sơn K và anh Lâm Mỹ Q có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lâm Ngọc A số tiền nợ 30.000.000 đồng, mỗi người có trách nhiệm trả là 15.000.000 đồng; Về án phí: đề nghị HĐXX buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn và án phí dân sự có giá ngạch đối với số nợ nguyên đơn có trách nhiệm trả, bị đơn chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số nợ bị đơn có trách nhiệm trả**.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản, đây là vụ án hôn nhân và gia đình, bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã M, huyện T nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn Lâm Mỹ Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Ngọc A. Tòa án đã tống đạt hợp lệ lần thứ 02 tuy nhiên phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố Tụng dân sự xét xử vắng mặt các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh Q thống nhất cả hai đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/6/2016, lời trình bày của các đương sự phù hợp với tài liệu đã cung cấp nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị K, thì anh Q không lo làm ăn để chăm lo cho gia đình, thường xuyên đi chơi, trước đây hai vợ chồng đã tự ly hôn một lần, sau đó hai gia đình vận động nên sống chung lại nhưng anh Q vẫn không thay đổi nên giữa hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ hơn 01 năm nay. Anh K không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do cuộc sống của vợ chồng của chị K và anh Q thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm. Đồng thời, tại phiên tòa chị K xác định không còn tình cảm với anh Q và kiên quyết xin ly hôn với anh Q nên mối quan hệ hôn nhân giữa hai người không thể hàn gắn được. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K là có căn cứ và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

[4] *Về nuôi dưỡng con chung:* Các bên thống nhất có 02 đứa con chung tên Danh Lý Khánh P, sinh ngày 10/6/2011 đang sống chung với chị K và Lâm Quốc N, sinh ngày 25/8/2016 đang sống chung với anh Q, chị K yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con

chung, anh Q yêu cầu được nuôi dưỡng Lâm Quốc N. Xét thấy, tại biên bản ngày 15/02/2019 ghi ý kiến của cháu Danh Lý Khánh P thì cháu có nguyện vọng sống với mẹ, khi cha mẹ ly hôn. Đối với cháu Lâm Quốc N, hiện cháu dưới 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của mẹ. Ngoài ra, hiện chị K đang có công việc ổn định, thu nhập mỗi tháng sau khi trừ chi phí thì chị còn lại khoản 6.000.000 đồng. Do đó, đối với yêu cầu của nguyên đơn và lời đề nghị của Kiểm sát viên về việc giao 02 con chung cho chị K nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là có căn cứ theo quy định khoản 2, 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận. Dành quyền cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng, thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

[5]. *Về nghĩa vụ cấp dưỡng*: Chị K không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của chị K nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] *Về tài sản chung:* các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] *Về nợ chung:* Chị K thừa nhận hiện còn nợ tiền hụi bà A là 30.000.000 đồng và yêu cầu anh Q có nghĩa vụ chịu trách nhiệm trả 1/2 khoản nợ chung này. Anh Q cho rằng đây là khoản nợ riêng của chị K nên anh không có trách nhiệm trả. Bà A xác nhận hai vợ chồng chị K và anh Q có nợ số tiền là 30.000.000 đồng, yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả bà số tiền là 15.000.000 đồng. Xét thấy, đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, xuất phát từ việc chị K tham gia hụi để lấy tiền dùng vào việc phát triển kinh tế phục vụ nhu cầu cuộc sống, sinh hoạt trong gia đình. Ngoài ra, tại phiên hòa giải anh Q cũng đặt ra điều kiện nếu chị K chịu đoàn tụ thì anh sẽ đứng ra trả số nợ 30.000.000 đồng cho bà A nên việc anh Q nói không biết khoản nợ này và đây là nợ riêng của chị K là không có cơ sở chấp nhận. Từ đó, xét yêu cầu của chị K và lời đề nghị của Kiểm sát viên là buộc anh Q có trách nhiệm cùng với chị Kh trả khoản nợ cho bà A là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình là mỗi người có trách nhiệm trả bà A số tiền là 15.000.000 đồng.

[8] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và án phí về việc thực hiện nghĩa vụ tài sản là 15.000.000 đồng x 5% = 750.000 đồng; Bị đơn chịu án phí về việc thực hiện nghĩa vụ tài sản là 15.000.000 đồng x 5% = 750.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 37; Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Danh Thị Sơn K được ly hôn với bị đơn anh Lâm Mỹ Q.

- Về con chung: Giao con chung tên Danh Lý Khánh P, sinh ngày 10/6/2011 và Lâm Quốc N, sinh ngày 25/8/2016 cho chị Danh Thị Sơn K trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh Lâm Mỹ Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Lâm Mỹ Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung: các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Nghĩa vụ về tài sản chung: Buộc nguyên đơn chị Danh Thị Sơn K và bị đơn anh Lâm Mỹ Q có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lâm Ngọc A số tiền nợ 30.000.000 đồng, mỗi người có trách nhiệm trả số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10% theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Danh Thị Sơn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và án phí về việc thực hiện nghĩa vụ tài sản là 750.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003383 ngày 05/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, chị K còn phải nộp là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Bị đơn anh Lâm Mỹ Q phải chịu tiền án phí về việc thực hiện nghĩa vụ tài sản là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND xã Thạnh Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Phước Toàn